

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HS-ST
Ngày 15/6/2017
Vụ án: Đỗ Đình T, Mai Chí C
“Mua bán trái phép chất ma túy”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Long.
2. Ông Hồ Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Tùng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đình T (tên gọi khác: Ôp), sinh năm 1993 tại huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khóm 1, thị trấn K, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: lớp 11/12; con ông Đỗ Xuân S (đã chết) và bà Trần Thị C; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 29/11/2016 đến ngày 03/12/2016, tạm giam từ ngày 04/12/2016 cho đến nay; có mặt

Nhân thân: Ngày 06/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 29/8/2014 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội.

2. Mai Chí C, sinh ngày 06/6/1996 tại huyện huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKKHKT; thôn C, xã HP, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: thôn Q, xã T, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: lớp 10/12; con ông Mai Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 29/11/2016 đến ngày 03/12/2016, tạm giam từ ngày 04/12/2016 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đình T: Ông Đình Trọng H, Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Mai Chí C: Ông Nguyễn Lương Ch, Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phan Thị Hà Tr, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2000; trú tại: thôn T, xã H, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; có mặt

Người đại diện theo pháp luật của chị Phan Thị Hà Tr: Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1965 (bố của chị Tr); trú tại: thôn T, xã H, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1995; trú tại: thôn H, xã T, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị VKSND huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 29/11/2016, Đỗ Đình T gọi điện thoại cho Mai Chí C nhờ C đến Km3, đường Hồ Chí Minh thuộc Khóm 1, thị trấn K chở T sang nước Lào mua ma túy tổng hợp về bán lại cho các đối tượng sử dụng trên địa bàn nhằm kiếm lời. Khoảng 30 phút sau C điều khiển xe mô tô BKS 74H1-122.00 của Nguyễn Phước H đến rồi đưa cho T 1.100.000đồng. T cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô chở C lên bến đò thôn Nại Cừ, xã Tân Thành. Sau đó, cả hai đi đò sang bản Ka Túp, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhet, Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Khi đến bản Ka Túp, T gọi điện thoại cho người đàn ông là người Lào để hỏi địa điểm mua bán ma túy (không xác định được người đàn ông này) thì người đàn ông nói “lên một bụi rậm cách bến đò khoảng 500 mét”, T và C đến điểm hẹn; khoảng 10 phút sau thì người đàn ông đến, T hỏi “một viên mấy”, người đàn ông trả lời “một viên giá 60.000đồng”. Người đàn ông lấy ra 02 viên ma túy tổng hợp cùng T và C sử dụng, sau khi sử dụng xong người đàn ông này nói với T “còn hơn 140 viên ma túy bán với giá 8.800.000đồng, có lấy không”, T nói “trả trước 4.600.000đồng, còn 4.200.000đồng nợ lại, đợi khi về cầm xe máy lấy tiền đem sang trả”. Người này đồng ý rồi lấy ra một túi ni long cùng T đếm được 148 viên ma túy tổng hợp, T cầm các viên ma túy rồi đưa cho người đàn ông 4.600.000đồng. C đứng bên cạnh nhìn thấy toàn bộ sự việc T giao dịch mua bán ma túy. Sau khi mua được ma túy, T điều khiển xe mô tô chở C theo đường cũ về Việt Nam, khi đến bến đò thôn Nại Cừ, xã Tân Thành, T đưa gói ma túy cho C cất giữ. T và C điều khiển xe mô tô đến khu vực gần nhà máy gạch tuy nel thì bị Công an huyện Hướng Hóa phối hợp với các cơ quan chức năng của Tỉnh và Huyện bắt quả tang, thu giữ một túi ni long bên trong có 148 viên nén hình trụ tròn, màu hồng, một mặt dập chìm chữ “WY”; 01 điện thoại di

động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai Chí C, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng của Đỗ Đình T và 01 xe mô tô BKS 74H1- 122.00.

Tại bản kết luận giám định số 01/KLGĐ ngày 01/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 148 viên nén màu hồng trong mẫu gửi giám định có khối lượng là 14,6756 gam, hàm lượng Methamphetamin là 16,6%. Methamphetamin là chất ma túy.

Ngoài ra Đỗ Đình T còn khai nhận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10/2016 cho đến ngày bị bắt, T đã nhiều lần sang Lào mua ma túy tổng hợp của người Lào không quen biết đưa về Việt Nam bán kiếm lời. Cụ thể: T đã bán cho Hoàng Đức Th, ở Khóm 1, thị trấn K 02 viên với giá 300.000đồng; ngày 20/11/2016 bán cho Lê Th, ở thôn H, xã T 02 viên với giá 250.000đồng; ngày 25/11/2016 bán cho Trần Đức L, ở Khóm 1, thị trấn K 01 viên với giá 130.000đồng, bán cho Hồ Lê Đức Lộc P, ở Khóm 5, thị trấn K 02 viên với giá 250.000đồng; ngày 28/11/2016 bán cho Trần Linh C, ở thôn H, xã T 01 viên với giá 150.000đồng và bán cho Mai Chí C 10 viên với giá 1.100.000đồng.

Và Mai Chí C khai nhận vào ngày 28/11/2016 sau khi mua của T 10 viên ma túy tổng hợp rồi bán lại cho Đặng Quang K, ở khóm 1, thị trấn K 01 viên với giá 150.000đồng, bán cho Trần Linh C, ở thôn H, xã T 02 viên với giá 260.000đồng, bán cho một đối tượng khác không biết tên 03 viên với giá 400.000đồng, còn lại 04 viên đưa cho T.

Bản Cáo trạng số: 24/QĐ-KSĐT-MT, ngày 25/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Đỗ Đình T và Mai Chí C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đình T từ 06 đến 07 năm tù và hình phạt bổ sung từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Chí C từ 03 đến 04 năm tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999, trả lại cho chị Phan Thị Hà Tr 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai Chí C; tịch thu, tiêu hủy một phong bì được dán kín, bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT05.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đình T trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đình T từ 04 đến 05 năm tù; do hiện nay, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Chí C trình bày lời bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đình T từ 30 đến 36 tháng tù.

Bị cáo Đỗ Đình T trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Mai Chí C trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Phan Thị Hà Tr xin được nhận lại điện thoại di động OPPO trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Phước H vắng mặt, nhưng đã có lời khai là khi cho bị cáo C mượn xe mô tô BKS 74H1-122.00 thì không biết C sử dụng đi mua bán ma túy và Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Hòa và anh Hòa không có yêu cầu gì thêm.

Những người làm chứng đều có bản khai là đã mua ma túy từ Đỗ Đình T và Mai Chí C.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo Đỗ Đình T và Mai Chí C đã cùng nhau sang nước Lào mua 148 viên ma túy tổng hợp về Việt Nam bán cho những đối tượng sử dụng để kiếm lời, khi về đến khu vực gần nhà máy gạch tuy nel thuộc địa phận thôn Nại Cửu, xã Tân Thành thì bị các cơ quan chức năng bắt và thu giữ. Theo kết quả giám định thì trọng lượng Metamphetamin nguyên chất trong 148 viên ma túy là 2,4361gam. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận từ đầu tháng 10/2016 cho đến ngày bị bắt, T đã nhiều lần sang Lào mua ma túy tổng hợp của người Lào không quen biết đưa về Việt Nam bán kiếm lời và Mai Chí C cũng đã tự khai nhận vào ngày 28/11/2016 sau khi mua của T 10 viên ma túy tổng hợp rồi bán lại cho nhiều người để kiếm lời, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo T và C là nguy hiểm cho xã hội và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo T và C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Với hành vi nêu trên thì lẽ ra các bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng định khung là “Phạm tội nhiều lần” và “Mua bán qua biên giới”. Tuy nhiên, theo chính sách hình sự được quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa 13; khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các bị cáo T và C chỉ phải chịu một tình tiết tăng nặng định khung là “Phạm tội nhiều lần” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo T và C biết rõ tác hại của ma túy là làm suy thoái giống nòi, ảnh hưởng đến sức khỏe con người nhưng vì hám lợi mà hai bị cáo đã thực hiện việc mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi trên đã gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, là tác nhân làm tăng nhanh các tệ nạn xã hội, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc và cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục hai bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Cũng như nhằm đáp ứng C tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội đang diễn biến ngày càng phức tạp trên địa bàn.

Bị cáo T và C thực hiện hành vi mua bán ma túy không có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc T hợp đồng phạm giản đơn. Xem xét vai trò của từng bị cáo thì thấy bị cáo T là người chủ động trong việc mua bán ma túy, C là người giúp sức. Vì vậy, bị cáo T phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo C là thỏa đáng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự thú về hành vi xảy ra trước ngày bị bắt giữ và gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với bị cáo C có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự thú về hành vi phạm tội xảy ra trước ngày bị bắt giữ và gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, cần cho bị cáo C hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và có thể áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm rẫy, không có thu nhập ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xem xét số tiền hưởng lợi từ việc các bị cáo mua bán trái phép ma túy mà có:

Đối với bị cáo Đỗ Đình T đã thừa nhận bán được 18 viên thu 480.000đồng; bị cáo C thừa nhận đã bán được 6 viên thu lãi 140.000đồng. Vì vậy áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên buộc bị cáo T phải nộp 480.000đồng và bị cáo C phải nộp 140.000đồng để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe mô tô BKS 74H1- 122.00 cho Nguyễn Phước H. Hiện đang tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai Chí C; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng của Đỗ Đình T và một phong bì được dán kín, bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự -

Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT05. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh Nguyễn Phước H cho Mai Chí C mượn xe và không biết C đã sử dụng vào việc đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và anh Hòa không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng thu giữ từ Đỗ Đình T, thì đây là điện thoại di động của chị Phan Thị Hà Tr cho T mượn để chơi điện tử nhưng T lại dùng vào việc liên hệ để mua ma túy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai Chí C đã sử dụng vào việc liên lạc với T để thực hiện việc mua bán ma túy và gói ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại cho Phan Thị Hà Tr điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai Chí C. Tịch thu, tiêu hủy một phong bì được dán kín, bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT05.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Đình T và Mai Chí C để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo T và C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Đình T và Mai Chí C, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm b, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015); xử phạt bị cáo Đỗ Đình T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (29/11/2016).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm b, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015); xử phạt bị cáo Mai Chí C 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (29/11/2016).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo Đỗ Đình T phải nộp 480.000đồng và bị cáo Mai Chí C phải nộp 140.000đồng để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trả lại cho chị Phan Thị Hà Tr 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Mobile, ký hiệu LV 119 màu đen của Mai

Chí C. Tịch thu, tiêu hủy một phong bì được dán kín, bên ngoài có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị, ký hiệu MT05 là chất ma túy còn lại sau giám định.

Vật chứng hiện do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa quản lý theo biên bản giao nhận ngày 26/4/2017.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo T và C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

2. Các bị cáo, chị Phan Thị Hà Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/6/2017). Ông Phan Thanh Điền, anh Nguyễn Phước H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Công an huyện Hướng Hóa
- Các bị cáo;
- Chị Phan Thị Hà Tr;
- ông Phan Thanh Điền;
- Anh Nguyễn Phước H;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trung

